

Số: 4228/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025;

Thực hiện Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 137/TTr-SKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố 26 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- TT TH-CB, P.HC-TC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, K3, K6, KSTT<sup>(C)</sup>.

*Thao*



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*Lâm Hải Giang*  
**Lâm Hải Giang**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH**  
**NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THUỘC**  
**PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA**  
**CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG</b>	
1.	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
2.	Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
3.	Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.
4.	Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.	Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài.	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.
6.	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh liên quan; UBND các cấp/ Đơn vị sự nghiệp công lập
7.	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Đối với chương trình, dự án đầu tư không có cấu thành xây dựng do địa phương quản lý)	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh liên quan; UBND các cấp/Đơn vị sự nghiệp công lập

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
8.	Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) (02 TTHC)</b>	
9.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).	HĐND thẩm định/ Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	HĐND thẩm định/ Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>C</b>	<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH</b>	
11.	Lập quy hoạch tỉnh.	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh liên quan
12.	Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh.	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh liên quan
13.	Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh.	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh liên quan
<b>D</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẤU THẦU</b>	
14.	Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
15.	Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương	Cơ quan có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý
16.	Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.	Sở Kế hoạch và Đầu tư/cơ quan khác/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã
17.	Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư/cơ quan khác/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã
18.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu.	Chủ đầu tư/ bên mời thầu
19.	Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.	Chủ đầu tư/ bên mời thầu

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
20.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu (trong lựa chọn nhà đầu tư).	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
21.	Lựa chọn danh sách ngân đối với đấu thầu hạn chế (trong lựa chọn nhà đầu tư).	Sở Kế hoạch và Đầu tư
22.	Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.	Các đơn vị được Bên mời thầu giao làm nhiệm vụ.
23.	Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
24.	Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.	UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
25.	Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.	UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
26.	Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm.	UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
<b>Tổng cộng: 26 TTHC</b>		

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

### A. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG

#### 1. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương

*a) Trình tự thực hiện:* Căn cứ Điều 55 Luật Đầu tư công.

**Bước 1.** Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

b) Giao cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét và gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh;

c) Tổ chức thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của sở, ban, ngành thuộc tỉnh;

d) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;

đ) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

e) Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

**Bước 2.** Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức lập, thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

**Bước 3.** Trước ngày 31 tháng 01 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau.

**Bước 4.** Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 4 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

**Bước 5.** Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

**Bước 6.** Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

- Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

- Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

**b) Cách thức thực hiện:** Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, các bộ. Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh (Đối với nguồn ngân sách cấp tỉnh), Đối với nguồn ngân sách cấp huyện: Hội đồng nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện (Đối với nguồn ngân sách cấp huyện); Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã (Đối với nguồn ngân sách cấp xã)

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư; phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có

thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công,
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

**2. Tên thủ tục: Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương**

**2.1. Trình tự thực hiện:** Căn cứ Điều 56 Luật Đầu tư công:

- Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, UBND tỉnh hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

- Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau.

- Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước và chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm sau. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương (NSTW) dự kiến phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương của kế hoạch năm sau.

- Trước ngày 25 tháng 8 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Trước ngày 31 tháng 8 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau của quốc gia báo cáo Chính phủ.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk)

**2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

**2.4. Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Không quy định

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

**2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh (Đối với nguồn ngân sách cấp tỉnh), Đối với nguồn ngân sách cấp huyện: Hội đồng nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện (Đối với



nguồn ngân sách cấp huyện); Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã (Đối với nguồn ngân sách cấp xã)

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư; phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**2.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công.

**3. Tên thủ tục: Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.**

**a) Trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện (Điều 24, Luật Đầu tư công)**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

+ Giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

+ Thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh là Thường trực Hội đồng thẩm định và các cơ quan liên quan là thành viên để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

+ Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn và các nội dung liên quan khác.

**b) Cách thức thực hiện:** Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk)

**c) Thành phần và số lượng hồ sơ:**

*\* Trường hợp Quyết định chủ trương đầu tư: (khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ):*

- Hồ sơ thẩm định gồm:

- + Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A (Mẫu số 03);
- + Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- Hồ sơ phê duyệt gồm:

+ Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án; trong đó các nội dung trong tờ trình và báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được hoàn thiện theo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định.

- + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A.
- + Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định.
- + Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*\* Trường hợp Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư: (khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ):*

- Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, trong đó làm rõ các nội dung: Lý do điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; các nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tương ứng với các nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi quy định tại các Điều 30 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: quyết định chủ trương đầu tư dự án; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trước đó (nếu có); tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ có bổ sung nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*\* Số lượng hồ sơ (khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 10; khoản 4 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ):*

- Hồ sơ thẩm định: 10 bộ;

- Hồ sơ phê duyệt: 05 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quá 60 ngày bao gồm thời gian thẩm định không quá 45 ngày, thời gian quyết định không quá 15 ngày (căn cứ khoản 6, Điều 9 và khoản 3, Điều 10, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ).

Trường hợp chương trình, dự án do Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư, thời gian quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

**d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ quan của địa phương.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 09 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ dự án phải hợp lệ theo quy định, nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án không phù hợp với các quy định tại các Điều 29, 30, 31 của Luật Đầu tư công.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

**4. Tên thủ tục: Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý**

**a) Trình tự, cách thức thực hiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:
  - + Giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
  - + Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý;
  - + Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định.
- Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện và các nội dung khác có liên quan.
- Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng ngân sách cấp tỉnh quản lý theo quy định tại Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 về việc HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư công một số dự án nhóm C.

**b) Cách thức thực hiện:** Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Trường hợp Quyết định chủ trương đầu tư: (khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ):*

- Hồ sơ thẩm định gồm:

+ Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

+ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C (Mẫu số 4);

+ Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- Hồ sơ phê duyệt gồm:

+ Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án; trong đó các nội dung trong tờ trình và báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã được hoàn thiện theo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định;

+ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C (Mẫu số 4);

+ Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định về chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

+ Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*\* Trường hợp Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư: (khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ):*

- Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó làm rõ các nội dung: Lý do điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; các nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án tương ứng với các nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy định tại các Điều 29, 31 của Luật Đầu tư công;

- Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án trước đó (nếu có); tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP có bổ sung nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư;

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

*\* Số lượng hồ sơ (khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 10; khoản 4 Điều 11*

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ):

- Hồ sơ thẩm định: 10 bộ;
- Hồ sơ phê duyệt: 05 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quá 40 ngày bao gồm thời gian thẩm định không quá 30 ngày, thời gian quyết định không quá 10 ngày (*căn cứ khoản 6 Điều 9 và khoản 3 Điều 10 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ*).

Trường hợp chương trình, dự án do Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư, thời gian quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

**d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân các cấp.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật đầu tư công, Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 về việc HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư công một số dự án nhóm C và các quy định liên quan khác.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân các cấp hoặc Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 09 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ hợp lệ.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ và các quy định liên quan khác.

**5. Tên thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài**

**a) Trình tự, cách thức thực hiện** (Điều 8 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:*

- Giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị trực thuộc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

- Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án;

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án.

**b) Cách thức thực hiện:** Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:** không quy định

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, đơn vị được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 6, 7, 8 Điều 17 của Luật Đầu tư công.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND các cấp; Hội đồng thẩm định; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các đơn vị có liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 09 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP. (xem lại có đúng mẫu này k)

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** đảm bảo đủ hồ sơ, quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục các pháp luật liên quan

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

**6. Tên thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư**

**a) Trình tự, cách thức thực hiện:** (Điều 6 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)

\* *Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp*

- Giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ;

- Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư;

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

*\* Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 5 và điểm b, c, d khoản 2, Điều 5 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ;*

- Giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc thẩm quyền quản lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án của đơn vị mình;

- Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị mình dành để đầu tư;

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc thẩm quyền quản lý hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

**b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Hồ sơ thẩm định (khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)*

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A; báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư công;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*\* Hồ sơ phê duyệt*

- Các tài liệu nêu tại mục a; trong đó các nội dung trong tờ trình và báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 9 của Nghị định này đã được hoàn thiện theo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định;

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định về chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

Số lượng hồ sơ (khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ):

- Số lượng bộ hồ sơ thẩm định chương trình, dự án: 10 bộ;
- Số lượng bộ hồ sơ quyết định đầu tư chương trình, dự án: 05 bộ;

***d) Thời hạn giải quyết:***

\* Thời hạn thẩm định:

- Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 45 ngày;

- Dự án nhóm A: Không quá 45 ngày;

- Dự án nhóm B, C: Không quá 30 ngày.

\* Thời hạn quyết định đầu tư :

- Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 20 ngày;

- Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;

- Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** UBND các cấp và đơn vị sự nghiệp công lập.

***e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hội đồng thẩm định; đơn vị được giao thẩm định; Đơn vị sự nghiệp công lập.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; phòng, ban chuyên môn cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Không quy định.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Mẫu số 09 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

***k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Hồ sơ hợp lệ.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*** Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

**7. Tên thủ tục:** Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Đối với chương trình, dự án đầu tư không có cấu thành xây dựng do địa phương quản lý)



**a) Trình tự, cách thức thực hiện**

- Đối với chương trình, dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư: Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án; Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

- Đối với chương trình, dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; tổ chức thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

**b) Thành phần và số lượng hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ: (khoản 1 Điều 20 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):
  - + Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định;
  - + Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền;
  - + Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;
  - + Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 05 bộ (khoản 2 Điều 20 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

**c) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Thời gian quyết định đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau (khoản 2 Điều 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

- Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;
- Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** UBND các cấp và đơn vị sự nghiệp công lập.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hội đồng thẩm định; đơn vị được giao thẩm định; Đơn vị sự nghiệp công lập.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; phòng,

ban chuyên môn cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định trong Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** đảm bảo đủ hồ sơ, quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục các pháp luật liên quan.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

**8. Tên thủ tục: Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp**

**a) Trình tự, cách thức thực hiện:**

**Bước 1:** Lập đề xuất dự án Chủ tịch UBND các cấp giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án.

**Bước 2:** Thẩm định dự án Chủ tịch UBND các cấp giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công hoặc đơn vị có chức năng thẩm định dự án.

**Bước 3:** Quyết định dự án Chủ tịch UBND các cấp chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng hoàn chỉnh báo cáo đề xuất dự án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định

**b) Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**c) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND các cấp.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công hoặc đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; phòng, ban chuyên môn cấp huyện và các đơn vị có liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đảm bảo đủ hồ sơ,

quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục các pháp luật liên quan.

*l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:* Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

## **B. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TU' (PPP)**

**9. Tên thủ tục: Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)**

### *a) Trình tự thực hiện:*

**Bước 1:** Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Điều 17, 18 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP) - Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, gửi Hội đồng thẩm định dự án PPP hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định

- Trường hợp dự án xuất hiện các yếu tố cần bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước hoặc yếu tố đặc biệt cần áp dụng giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi phải nêu rõ các yếu tố này để thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

### **Bước 2:** Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

- Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Thời gian thẩm định không quá 30 ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm định dự án hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra đối với trường hợp thuê tư vấn thẩm tra.

- Nội dung thẩm định (theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật PPP) gồm:

+ Sự phù hợp với điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật PPP;

+ Sự phù hợp với căn cứ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật PPP;

+ Hiệu quả đầu tư; khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư;

+ Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án PPP;

+ Cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu;

+ Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước.

- Hội đồng thẩm định dự án PPP, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP có trách nhiệm lấy ý kiến Sở kế

hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong trường hợp dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công, gửi Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.

- Nội dung chủ yếu thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công trong dự án PPP:

+ Mục đích sử dụng phần vốn;

+ Tiến độ bố trí vốn trong kế hoạch hằng năm;

+ Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ giao cho bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong giai đoạn trung hạn thực hiện dự án và hạn mức vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của giai đoạn sau theo quy định tại Luật Đầu tư công; tổng số vốn đầu tư công trong kế trung hạn nguồn ngân sách nhà nước và số tăng thu hằng năm của ngân sách nhà nước (nếu có) được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

+ Phần vốn phải bố trí theo tiến độ hợp đồng để thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP trong trường hợp dự án áp dụng loại hợp đồng BTL, BLT dự kiến thực hiện vượt quá phạm vi 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp.

- Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP.

**Bước 3:** Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

**Bước 4:** Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án. Đối với dự án PPP có sử dụng vốn đầu tư công, căn cứ quyết định chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, vốn đầu tư công sử dụng trong dự án PPP được tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm:*

- Văn bản đề nghị thẩm định;

- Dự thảo tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư;

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Văn bản chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản

công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng);

- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

\* *Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:*

- Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư;

- Dự thảo quyết định chủ trương đầu tư;

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo thẩm tra đối với dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

\* *Số bộ hồ sơ:* 10 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:***

- Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày;

- Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Đơn vị chuẩn bị dự án PPP là đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Hội đồng thẩm định dự án PPP hoặc đơn vị được giao thẩm định.

- Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;

- Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ bao gồm:

- Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

- Phụ lục II - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;

- Phụ lục II - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;

- Phụ lục II - Mẫu số 03: Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;
- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021;
- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;
- Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021;
- Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022.

**10. Tên thủ tục: Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)**

***a) Trình tự thực hiện:***

**Bước 1:** Lập điều chỉnh chủ trương đầu tư

- Chủ trương đầu tư dự án PPP được điều chỉnh khi thay đổi mục tiêu, địa điểm, quy mô, loại hợp đồng dự án PPP, tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên hoặc tăng giá trị vốn nhà nước trong dự án PPP trong các trường hợp sau đây:

- + Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng;
- + Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi;
- + Khi điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư trình Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.

**Bước 2:** Thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư

- Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến Đơn vị chuẩn bị dự án PPP.

- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Bước 3:** Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư

- Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

***b) Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

\* *Hồ sơ đề nghị thẩm định điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:*

- Văn bản đề nghị thẩm định;
- Dự thảo tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư;

- Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- Tờ trình đề nghị điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng);
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

\* *Hồ sơ đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:*

- Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư;
- Dự thảo quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;
- Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với các nội dung điều chỉnh.
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

\* *Số bộ hồ sơ:* 10 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:***

- Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày;
- Thời hạn phê duyệt quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP: Không quá 15 ngày.

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Đơn vị chuẩn bị dự án PPP.

***e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Hội đồng thẩm định dự án PPP hoặc đơn vị được giao thẩm định.
- Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với các nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP;
- Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Không có.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ bao gồm:

- Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;
- Phụ lục II - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;
- Phụ lục II - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả

thi dự án PPP;

- Phụ lục II - Mẫu số 03: Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

***k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không có.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;

- Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021;

- Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022.

## **C. LĨNH VỰC QUY HOẠCH**

### **11. Tên thủ tục: Lập quy hoạch tỉnh**

#### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;

- Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất Điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng;

- Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện Điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội



đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp/Hệ thống Văn phòng điện tử.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Đối với hồ sơ xin ý kiến dự thảo quy hoạch, gồm các tài liệu sau:*

- Báo cáo quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch.

Trường hợp quy hoạch có liên quan tới biên giới, hải đảo, vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, cơ quan lập quy hoạch phải thống nhất với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về nội dung quy hoạch trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

*\* Đối với hồ sơ thẩm định quy hoạch, gồm các tài liệu chủ yếu sau đây (Điều 31, Luật Quy hoạch năm 2017)*

- Tờ trình;
- Báo cáo quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; - Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

*\* Hồ sơ trình phê duyệt (Điều 35, Luật Quy hoạch năm 2017)*

- Tờ trình;
- Báo cáo quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Báo cáo thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; báo cáo phản biện của tư vấn phản biện độc lập (nếu có);
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

*\* Số lượng hồ sơ:*

Số lượng gửi hồ sơ xin ý kiến: Gửi tới các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương trong vùng và các địa phương liền kề; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch tỉnh.

Số lượng gửi hồ sơ trình thẩm định: đảm bảo đầy đủ số lượng để gửi xin ý kiến Hội đồng thẩm định, chuyên gia phản biện và tư vấn phản biện độc lập (trong trường hợp cần thiết).

***d) Thời hạn giải quyết:***

- Thời gian lập hồ sơ: Theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

- Thời gian thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định (kèm theo hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh), các thành viên Hội đồng thẩm định, ủy viên phản biện và tư vấn phản biện độc lập quy hoạch (nếu có) gửi văn bản tham gia ý kiến thẩm định đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổng hợp.

- Thời gian trình phê duyệt: Không quy định

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Các cơ quan, đơn vị.

***e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND tỉnh, HĐND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh có liên quan; các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan khác.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị; Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định; Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Không

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không

***k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*** Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

**12. Tên thủ tục: Điều chỉnh quy hoạch tỉnh**

***a) Trình tự thực hiện:***

a) Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương điều chỉnh quy hoạch

tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

Bộ, cơ quan ngang Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch vùng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

b) Trình tự, thủ tục điều chỉnh, công bố và cung cấp thông tin điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch quy định tại Chương II và Chương III của Luật Quy hoạch.

**b) Cách thức thực hiện:** Trình tự, thủ tục điều chỉnh, công bố và cung cấp thông tin điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:** Thành phần và số lượng hồ sơ như thành phần, số lượng hồ sơ của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch

**d) Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ quan, đơn vị

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Là cơ quan giải quyết thủ tục hành chính của các hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan khác

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Là kết quả của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

### **13. Tên thủ tục: Cung cấp thông tin quy hoạch**

**a) Trình tự thực hiện:** Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo

quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

**b) Cách thức thực hiện:** Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch

+ Cung cấp bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Đăng tải trên trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 40 của Luật Quy hoạch.

+ Cung cấp các ấn phẩm về quy hoạch.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ quan, đơn vị.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông tin Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

## **D. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU**

**14. Tên thủ tục:** Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu.

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Chủ đầu tư có văn bản đề nghị phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (văn bản phải nêu rõ lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu) trình Chủ tịch UBND tỉnh.

- **Bước 2:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với một hoặc một số trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 Luật Đấu thầu.

Trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người có thẩm quyền, chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy

định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 83 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ:** Văn bản đề nghị phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

- **Số lượng:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với một hoặc một số trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Điều 83 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

**15. Tên thủ tục: Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Chủ đầu tư có văn bản kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm, gửi Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu.

- **Bước 2:** Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Đấu thầu xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư. Hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh. Nội dung Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao

gồm các nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- **Bước 3:** Căn cứ quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin xử lý vi phạm phạm luật về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* **Thành phần hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị người có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu, gồm một trong các tài liệu sau:

+ Văn bản đề nghị của chủ đầu tư kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;

+ Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước;

+ Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;

+ Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

- Trường hợp người có thẩm quyền đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh thì Người có thẩm quyền có văn bản báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh.

\* **Số lượng:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu của Người có thẩm quyền: 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư.

- Trường hợp người có thẩm quyền đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh thì thời hạn ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu của Chủ tịch UBND tỉnh: 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định:

+ Người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Đấu thầu.

+ Trường hợp người có thẩm quyền đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét,

ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh.

**g) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Các phòng ban thuộc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định.

+ Trường hợp người có thẩm quyền đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh: Văn phòng UBND tỉnh và các sở ban ngành cấp tỉnh có liên quan.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**i) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 87 Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Điều 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

**16. Thủ tục về: Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án.**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

- Căn cứ quy mô, tính chất công tác đấu thầu của dự án, chủ đầu tư (trường hợp đã được xác định) có thể trình người có thẩm quyền xem xét chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án. Trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị dự án có thể trình người có thẩm quyền xem xét chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.

- Trường hợp người có thẩm quyền đồng ý chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư (sau đây gọi là chủ đầu tư) tổ chức lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu căn cứ các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Nội dung Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung quy định tại Điều 15 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP. Chủ đầu tư được thuê tư vấn để lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án trong trường hợp nhân sự của chủ đầu tư không đủ năng lực để thực hiện.

**Bước 2:** Thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

- Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Nghị định số 24/NĐ-CP); Báo cáo thẩm định bao gồm các nội dung tại khoản 3 Điều 127 Nghị định số 24/NĐ-CP.

- Trước khi ký báo cáo thẩm định, đơn vị thẩm định có thể tổ chức họp giữa các bên để trao đổi các nội dung nếu thấy cần thiết.

**Bước 3:** Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

Căn cứ đề nghị phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, báo cáo thẩm định, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu sau khi quyết định phê duyệt dự án làm cơ sở cho chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; trường hợp các nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu khác với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mà không phải trình, phê duyệt lại kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

**Bước 4:** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*Thành phần hồ sơ:*

Hồ sơ trình thẩm định (theo quy định tại khoản 1 Điều 127 NĐ 24), gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.
- Các tài liệu là căn cứ lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.
- Tài liệu khác có liên quan.

b) Hồ sơ trình phê duyệt (theo quy định tại khoản 1 Điều 127 NĐ 24), gồm:

- Các tài liệu nêu tại điểm a mục 3.1.
- Báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

*Số lượng:* Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định: Không quy định.
- Thời hạn phê duyệt: Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư.



**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh/Chủ tịch UBND cấp huyện/ Chủ tịch UBND cấp xã/ Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc quyết định mua sắm theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đối với dự án đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư, trừ các gói thầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 78 của Luật Đấu thầu.

+ Cơ quan, tổ chức được Thủ trưởng cơ quan trung ương, người có thẩm quyền của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giao nhiệm vụ thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình.

+ Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện.

+ Đơn vị giúp việc liên quan chịu trách nhiệm thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã, thủ trưởng các cơ quan khác trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định.

- Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 bao gồm:

- Mẫu số 01A được sử dụng để lập Tờ trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;

- Mẫu số 01B được sử dụng để lập Báo cáo thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;

- Mẫu số 01C được sử dụng để lập Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Điều 14, 15, 127 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

## **17. Tên thủ tục: Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đảm bảo nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 37 Luật Đấu thầu; căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu thầu; nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 39 Luật Đấu thầu.

#### **Bước 2:** Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 39 của Luật Đấu thầu trước khi phê duyệt. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 128 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

#### **Bước 3:** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Căn cứ báo cáo thẩm định, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bằng văn bản để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu, sau khi có quyết định phê duyệt dự án hoặc đồng thời với quá trình lập dự án, dự toán mua sắm.

#### **Bước 4:** Đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ:** (Điều 128 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)

- Hồ sơ trình thẩm định gồm:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

+ Các tài liệu là căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

+ Tài liệu khác có liên quan.

- Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

+ Các tài liệu nêu tại điểm a mục 3.1.

+ Báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

\* *Số lượng*: Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết**: Không quy định

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cơ quan, đơn vị được giao là chủ đầu tư.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**:

\* *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*:

- Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đã phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

- Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án không áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

- Chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án

\* *Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính*: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh/ UBND cấp huyện; chủ đầu tư; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

\* *Cơ quan phối hợp*: Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

- Báo cáo thẩm định.

- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

**h) Phí, lệ phí (nếu có)**: Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 bao gồm:

- Mẫu số 02A được sử dụng để lập Tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

- Mẫu số 02B được sử dụng để lập Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Mẫu số 02C được sử dụng để lập Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Điều 37, 38, 39, 40, 41 Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Điều 128 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và

Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

## **18. Tên thủ tục: Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### ***Bước 1.*** Lập hồ sơ mời thầu

Chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ mời thầu. Căn cứ lập hồ sơ mời thầu, nội dung hồ sơ mời thầu theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

#### ***Bước 2.*** Thẩm định hồ sơ mời thầu.

Chủ đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu. Nội dung thẩm định hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

***Bước 3.*** Phê duyệt hồ sơ mời thầu: Cù vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

#### ***\* Thành phần hồ sơ trình thẩm định***

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu của bên mời thầu.
- Dự thảo hồ sơ mời thầu.
- Quyết định phê duyệt dự án (nếu có), quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Tài liệu khác có liên quan

#### ***\* Thành phần hồ sơ trình phê duyệt***

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu của bên mời thầu.
- Dự thảo hồ sơ mời thầu.
- Quyết định phê duyệt dự án (nếu có), quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

- Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

- Tài liệu khác có liên quan

#### ***\* Số lượng:*** Không quy định.

### ***d) Thời hạn giải quyết:*** Theo tiến độ gói thầu.

### ***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư.

### ***e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ đầu tư.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu.

- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.

**h) Phí, lệ phí:** Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng (*điểm d khoản 4 Điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP*).

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*a) Mẫu hồ sơ mời thầu theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 bao gồm:*

\* Đối với gói thầu xây lắp:

- Mẫu số 3A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Mẫu số 3B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa (bao gồm cả trường hợp mua sắm tập trung):

- Mẫu số 4A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Mẫu số 4B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

\* Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn:

- Mẫu số 5A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Mẫu số 5B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

\* Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn:

- Mẫu số 6A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

*b) Mẫu báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu gồm các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 bao gồm:*

- Lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu của gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn áp dụng Mẫu số 3A - Mẫu báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

- Việc lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu của gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn được vận dụng các mẫu Mẫu số 3A trên cơ sở bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

***k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không có.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

## **19. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

### **a) Trình tự thực hiện:**

*Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

*Địa điểm thực hiện:* Đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bên mời thầu.

*Trình tự thực hiện:*

#### **- Bước 1:** Lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu trình kết quả lựa chọn nhà thầu gồm các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 30 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

#### **- Bước 2:** Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư tổ chức thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 130 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

#### **- Bước 3:** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà

Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp lựa chọn được nhà thầu trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

#### **- Bước 4:** Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định gồm:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu, trong đó phải nêu rõ ý kiến của bên mời thầu đối với các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của tổ chuyên gia.

+ Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của tổ chuyên gia.

+ Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có).

+ Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của các nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan; trường hợp đã tiến hành thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì chỉ gửi biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính và bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

+ Các tài liệu nêu tại Mục **“Hồ sơ trình thẩm định”**

+ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của đơn vị thẩm định.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

\* *Số lượng*: Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Theo tiến độ gói thầu.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư, bên mời thầu.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Thông tin được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**h) Phí, lệ phí:** Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng (khoản 6 Điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP).

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 bao gồm: Mẫu số 3C sử dụng để lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo



thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

**20. Tên thủ tục: Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu (trong lựa chọn nhà đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện:**

*Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

*Địa điểm thực hiện:*

- Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: Số 35 Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) đối với dự án do UBND tỉnh là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt thông tin dự án.

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định đối với dự án do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt thông tin dự án.

*Trình tự thực hiện:*

*\* Đối với dự án không sử dụng đất, không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai*

**Bước 1:** Lập hồ sơ mời thầu

- Bên mời thầu giao tổ chuyên gia lập hồ sơ mời thầu theo các nội dung quy định tại Điều 48 của Luật Đấu thầu để nhà đầu tư lập hồ sơ dự thầu.

- Việc lập hồ sơ mời thầu có thể thực hiện trước khi các văn bản quy định tại Điều 12 của Nghị định số 23/2024/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng việc phê duyệt hồ sơ mời thầu phải bảo đảm phù hợp với các căn cứ quy định tại Điều 12 của Nghị định số 23/2024/NĐ-CP.

**Bước 2:** Thẩm định hồ sơ mời thầu

Bên mời thầu trình Tổ thẩm định thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP, nội dung báo cáo thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP.

Trước khi ký báo cáo thẩm định, tổ thẩm định tổ chức họp giữa các bên để trao đổi, giải quyết các nội dung còn có ý kiến khác nhau của hồ sơ mời thầu (nếu cần).

**Bước 3:** Phê duyệt hồ sơ mời thầu

Người có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu bằng văn bản căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

*\* Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất*

**Bước 1:** Lập hồ sơ mời thầu

- Bên mời thầu giao tổ chuyên gia lập hồ sơ mời thầu gồm những nội dung quy định tại Điều 48 của Luật Đấu thầu để nhà đầu tư lập hồ sơ dự thầu.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng, hồ sơ mời thầu bao gồm cả dự thảo hợp đồng mua bán điện được thống nhất với bên mua điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

- Việc lập hồ sơ mời thầu có thể thực hiện trước khi các văn bản quy định tại Điều 13 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng việc phê duyệt hồ sơ mời thầu phải bảo đảm phù hợp với căn cứ quy định tại Điều 13 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

### **Bước 2:** Thẩm định hồ sơ mời thầu

Bên mời thầu trình người có thẩm quyền dự thảo hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan, đồng thời gửi tổ thẩm định. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP; nội dung báo cáo thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

Trước khi ký báo cáo thẩm định, tổ thẩm định tổ chức họp giữa các bên để trao đổi, giải quyết các nội dung còn có ý kiến khác nhau của hồ sơ mời thầu (nếu cần).

### **Bước 3:** Phê duyệt hồ sơ mời thầu

Người có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu bằng văn bản căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### *\* Thành phần hồ sơ*

- Hồ sơ trình thẩm định

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu của bên mời thầu;

+ Dự thảo hồ sơ mời thầu.

+ Bản chụp các tài liệu: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư).

+ Tài liệu khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan.

- Hồ sơ trình phê duyệt

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu của bên mời thầu;

+ Dự thảo hồ sơ mời thầu.

+ Bản chụp các tài liệu: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về

đầu tư) hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư);

+ Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu của tổ thẩm định.

+ Tài liệu khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan.

\* *Số lượng*: Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết**: Theo Bảng tiến độ dự án được Người có thẩm quyền phê duyệt.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Bên mời thầu.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**:

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.

**h) Phí, lệ phí (nếu có)**: Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**:

\* *Đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý, ngành, lĩnh vực*

Mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục XI kèm theo Thông tư này đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

- Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục XII kèm theo Thông tư này đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

\* *Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất*

- Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Thông tư này đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

- Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục X kèm theo Thông tư này đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng, mẫu hồ sơ đấu

thầu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Điều 13, 52 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý, ngành, lĩnh vực.

- Điều 14, 54 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

- Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư tư kinh doanh, cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**21. Tên thủ tục: Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế (trong lựa chọn nhà đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện:**

*Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

*Trình tự thực hiện:*

**Bước 1:** Lựa chọn danh sách ngắn

- Bên mời thầu xác định danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của dự án đầu tư kinh doanh, dự án đầu tư có sử dụng đất và có nhu cầu tham dự thầu, trình người có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp sau khi lựa chọn danh sách ngắn đối với dự án đầu tư kinh doanh, dự án đầu tư có sử dụng đất áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế nhưng có ít hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của dự án, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt danh sách ngắn có ít hơn 03 nhà đầu tư.

**Bước 2:** Phê duyệt danh sách ngắn

Bên mời thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt danh sách ngắn.

**Bước 3:** Sau khi phê duyệt, bên mời thầu đăng tải công khai danh sách ngắn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Văn bản trình người có thẩm quyền phê duyệt danh sách ngắn.

- Số lượng: Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Bằng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định phê duyệt danh sách ngắn.

- Kết quả đăng tải công khai danh sách ngắn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k). Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Điều 14 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý, ngành, lĩnh vực.

- Điều 15 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

**22. Tên thủ tục: Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.**

**a) Trình tự thực hiện:**

*Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

*Trình tự thực hiện:*

**Bước 1:** Lập danh danh nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

*\* Đối với dự án không sử dụng đất, không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai*

Bên mời thầu tổ chức mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật, đánh giá hồ sơ đề xuất

kỹ thuật theo quy định tại Điều 22, 23 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và Tổ chuyên gia có tờ trình phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

*\* Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất*

Bên mời thầu tổ chức mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật, đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Điều 23, 24 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và Tổ chuyên gia có tờ trình phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

**Bước 2:** Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

Bên mời thầu phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật căn cứ vào tờ trình phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của tổ chuyên gia.

**Bước 3:** Bên mời thầu thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu và mời các nhà đầu tư tham dự thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở hồ sơ đề xuất tài chính.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của tổ chuyên gia.

- Số lượng: Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Theo Bảng tiến độ dự án được Người có thẩm quyền phê duyệt.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bên mời thầu

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị được Bên mời thầu giao làm nhiệm vụ.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Điều 24 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý, ngành, lĩnh vực.

- Điều 25 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

### **23. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

*\* Đối với dự án không sử dụng đất, không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai*

#### **Bước 1:** Lập kết quả báo cáo đánh giá

- Đối với dự án áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ: Bên mời thầu tổ chức mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định số 23/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 66 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

- Đối với dự án áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ: Bên mời thầu tổ chức mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định số 23/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 66 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

#### **Bước 2:** Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư

- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu trình người có thẩm quyền kết quả lựa chọn nhà đầu tư, đồng thời gửi tổ thẩm định để tổ chức thẩm định, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

- Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 53 của Nghị định số 23/2024/NĐ-CP trước khi phê duyệt.

#### **Bước 3:** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư, Người có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

*\* Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất*

#### **Bước 1:** Lập kết quả báo cáo đánh giá

- Đối với dự án áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ: Bên mời thầu tổ chức mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

- Đối với dự án áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ: Bên mời thầu tổ chức mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

**Bước 2:** Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư

- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu trình người có thẩm quyền kết quả lựa chọn nhà đầu tư, đồng thời gửi tổ thẩm định để tổ chức thẩm định, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

- Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 55 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP; nội dung báo cáo thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 55 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

**Bước 3:** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư, Người có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Thành phần hồ sơ

*\* Hồ sơ trình thẩm định*

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của bên mời thầu;

- Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia;

- Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, biên bản đóng thầu, mở thầu, hồ sơ dự thầu của các nhà đầu tư và những tài liệu khác có liên quan.

*\* Hồ sơ trình phê duyệt*

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của bên mời thầu;

- Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia;

- Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, biên bản đóng thầu, mở thầu, hồ sơ dự thầu của các nhà đầu tư và những tài liệu khác có liên quan.

- Báo cáo thẩm định.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt.

- Số lượng: Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Theo Bảng tiến độ dự án được Người có thẩm quyền phê duyệt.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư.



- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Điều 27, 53 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý, ngành, lĩnh vực.

- Điều 28, 55 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

**24. Tên thủ tục: Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.**

**a) Trình tự thực hiện:**

*a) Đối với dự án không sử dụng đất, không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.*

**Bước 1:** Lập bảng tiến độ theo dõi tiến độ thực hiện dự án

Người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn lập bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực ngày 21/10/2024 (*sau đây gọi tắt là Nghị định hợp nhất*).

**Bước 2:** Trình phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện dự án

Cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn trình Người có thẩm quyền phê duyệt bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

Đối với dự án đầu tư kinh doanh không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt đồng thời với thông tin dự án đầu tư kinh doanh.

**Bước 3:** Cơ quan có thẩm quyền tạo lập, phân quyền tài khoản nghiệp vụ cho cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn để đăng tải bảng theo dõi

tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.

*b) Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất*

**Bước 1:** Lập bảng tiến độ theo dõi tiến độ thực hiện dự án

Người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn lập bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

**Bước 2:** Trình phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện dự án

Cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn trình Người có thẩm quyền phê duyệt bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt độc lập hoặc đồng thời với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt đồng thời với thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất.

**Bước 3:** Cơ quan có thẩm quyền tạo lập, phân quyền tài khoản nghiệp vụ cho cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn để đăng tải bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.

*b) Cách thức thực hiện:* Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử (Idesk).

*c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

+ Tài liệu khác có liên quan.

- Số lượng: Không quy định.

*d) Thời hạn giải quyết:* Không quy định.

*đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan có thẩm quyền.

***e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh; Cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan có thẩm quyền.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Quyết định phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Không.***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý, ngành, lĩnh vực: Mẫu Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được ban hành kèm theo Phụ lục I Nghị định hợp nhất.

Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất: Mẫu Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được ban hành kèm theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 115/2024/NĐ-CP.

***k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không có.***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

Điều 11 Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực ngày 21/10/2024.

Điều 12 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

**25. Tên thủ tục: Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.*****a) Trình tự thực hiện:***

*\* Đối với dự án có sử dụng đất*

**Bước 1:** Lập hồ sơ mời quan tâm:

Thủ tục mời quan tâm được áp dụng đối với dự án cần xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại các điểm e, g, h, i và k khoản 2 Điều 4 của Nghị định 115/2024/NĐ-CP.

Mời quan tâm quốc tế được áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định 115/2024/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 11 của Luật Đấu thầu và các trường

hợp khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực.

Người có thẩm quyền giao cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế, UBND các huyện làm bên mời quan tâm.

Trước khi mời quan tâm, cơ quan có thẩm quyền công bố thông tin dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo trường hợp (i) hoặc trường hợp (ii):

(i) Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đăng tải quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

(ii) Đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, căn cứ hồ sơ đề xuất dự án được lập và phê duyệt theo quy định tại Điều 11 của Nghị định 115/2024/NĐ-CP, cơ quan có thẩm quyền đăng tải thông tin quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đấu thầu.

Bên mời quan tâm giao tổ chuyên gia lập hồ sơ mời quan tâm theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định 115/2024/NĐ-CP để nhà đầu tư lập hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ mời quan tâm được lập căn cứ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 13 của Nghị định 115/2024/NĐ-CP.

Trường hợp dự án áp dụng mời quan tâm trong nước nhưng cần thúc đẩy sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý quốc tế, hồ sơ mời quan tâm có thể áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 46 của Nghị định 115/2024/NĐ-CP.

Hồ sơ mời quan tâm chỉ được nêu các yêu cầu nhằm mục đích là lựa chọn được nhà đầu tư đáp ứng tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thực hiện dự án; không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

**Bước 2:** Phê duyệt hồ sơ mời quan tâm:

Bên mời quan tâm trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.

Hồ sơ mời quan tâm được lập, phê duyệt đồng thời trong quá trình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc trong quá trình lập, phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc sau khi các quyết định này được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*\* Đối với dự án không sử dụng đất, không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai*

**Bước 1:** Lập hồ sơ mời quan tâm:

Bên mời quan tâm giao tổ chuyên gia lập hồ sơ mời quan tâm theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành,

lĩnh vực ngày 21/10/2024 (*sau đây gọi tắt là Nghị định hợp nhất*) để nhà đầu tư lập hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ mời quan tâm được lập phù hợp với các căn cứ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 12 của Nghị định hợp nhất.

Việc lập hồ sơ mời quan tâm có thể thực hiện trước khi các văn bản quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 12 của Nghị định hợp nhất được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng việc phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với các căn cứ này.

Trường hợp dự án áp dụng mời quan tâm trong nước nhưng cần thúc đẩy sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý quốc tế, hồ sơ mời quan tâm có thể áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 45 của Nghị định hợp nhất.

Hồ sơ mời quan tâm chỉ được nêu các yêu cầu nhằm mục đích là lựa chọn được nhà đầu tư đáp ứng tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thực hiện dự án; không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

**Bước 2:** Phê duyệt hồ sơ mời quan tâm:

Bên mời quan tâm trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.

Hồ sơ mời quan tâm được phê duyệt đồng thời trong quá trình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư) hoặc trong quá trình lập, phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc sau khi các quyết định này được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử (Idesk).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
- + Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời quan tâm của bên mời quan tâm.
- + Hồ sơ mời quan tâm.
- Số lượng: Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời quan tâm (gồm cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế; UBND cấp huyện).

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đối với dự án có sử dụng đất: Hồ sơ mời quan tâm được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Đối với dự án không sử dụng đất: Hồ sơ mời quan tâm được lập trên cơ sở chỉnh sửa mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Điều 36, 37, 38, 39, 40, 41 Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực ngày 21/10/2024.

- Điều 39 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

- Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh, cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**26. Tên thủ tục: Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm.**

**a) Trình tự thực hiện:**

\* Đối với dự án có sử dụng đất

**Bước 1:** Mở thầu hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Bên mời quan tâm mở thầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

**Bước 2:** Bên mời quan tâm tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ. Việc đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án căn cứ vào phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời quan tâm, căn cứ vào hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đã nộp, các tài liệu làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

### **Bước 3:** Phê duyệt kết quả mời quan tâm:

Căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, bên mời quan tâm trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định:

- Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng điều kiện mời quan tâm thì tổ chức đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư, người có thẩm quyền phê duyệt bằng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất. Hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được xác định theo quy định sau:

+ Đấu thầu rộng rãi trong nước nếu không có nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án hoặc đáp ứng điều kiện mời quan tâm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 của Luật Đấu thầu;

+ Đấu thầu rộng rãi quốc tế nếu có ít nhất một nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện mời quan tâm.

- Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng điều kiện mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm thì thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc không có nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm (trường hợp 3), người có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm và xem xét quyết định thực hiện một trong hai thủ tục sau:

+ Thực hiện lại thủ tục mời quan tâm trong thời hạn do người có thẩm quyền quyết định;

+ Rà soát, chỉnh sửa hồ sơ mời quan tâm nhưng phải bảo đảm phù hợp với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án và thực hiện lại thủ tục mời quan tâm.

### **Bước 4:** Công khai kết quả mời quan tâm:

Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền, bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm, bằng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

*\* Đối với dự án không sử dụng đất*

#### **Bước 1: Mở thầu hồ sơ đăng ký thực hiện dự án**

Bên mời quan tâm mở thầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

**Bước 2:** Bên mời quan tâm tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ.

**Bước 3:** Phê duyệt kết quả mời quan tâm:

Căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, bên mời quan tâm trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư như sau:

- Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm thì tổ chức đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 43 của Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực ngày 21/10/2024 (*sau đây gọi tắt là Nghị định hợp nhất*), người có thẩm quyền phê duyệt bằng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 11 của *Nghị định hợp nhất*, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh. Hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được xác định theo quy định sau:

+ Đấu thầu rộng rãi trong nước nếu không có nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án hoặc đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 của Luật Đấu thầu;

+ Đấu thầu rộng rãi quốc tế nếu có tối thiểu một nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.

- Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm thì chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm, người có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc kết thúc mời quan tâm và xem xét quyết định thực hiện một trong hai thủ tục sau:

+ Thực hiện lại thủ tục mời quan tâm trong thời hạn do người có thẩm quyền quyết định;

+ Rà soát, chỉnh sửa hồ sơ mời quan tâm nhưng phải bảo đảm phù hợp với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án và thực hiện lại thủ tục mời quan tâm.

**Bước 4:** Công khai kết quả mời quan tâm:

Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền phê duyệt kết quả mời quan tâm, bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm và Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.



**b) Cách thức thực hiện:** Trục tuyến qua Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử (Idesk).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ:*

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả mời quan tâm.
- Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và tài liệu làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư (nếu có).
- Tài liệu có liên quan.

\* *Số lượng:* Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Bên mời quan tâm (gồm cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện).

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định phê duyệt kết quả mời quan tâm.
- Kết quả đăng tải kết quả mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.
- Điều 42 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.
- Điều 43 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.
- Điều 42 Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực ngày 21/10/2024.

---